

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/TCDS-ST
Ngày 18 - 3 - 2021
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Công Nghĩa
2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Lý - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2020/TLST-TCDS ngày 14/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-TCDS ngày 28/12/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ. Địa chỉ: Tháp BIDV, số 35 H1, quận H2, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh B - Giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ. Địa chỉ: Số 368, đường Q1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Người được ủy quyền lại: Bà Lê Thị Kim Nh - Trưởng phòng Quản lý rủi ro chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Địa chỉ: Số 368, đường Q1, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Ngọc T2, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn 2, xã Q2, huyện Q3, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung của Đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2020, Bản tự khai, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng BIDV) và anh Trần Ngọc T2 đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2018/11126542/HĐTD ngày 06/6/2018. Theo đó, anh T2 vay của Ngân hàng BIDV số tiền là 1.000.000.000 đồng; thời hạn vay là 60 tháng; lãi suất vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên kể từ ngày 06/6/2018 đến ngày 06/6/2019 là 9,0%/năm; điều chỉnh lãi suất 06 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh đầu tiên là 01/01/2020, biên độ điều chỉnh 4%/năm; kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau do BIDV Bắc Quảng Bình công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng mức phí 4%/năm, nhưng tối thiểu bằng mức lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đ công bố tại thời điểm điều chỉnh; Lãi suất nợ quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn, lãi chậm trả là 10% (x) số tiền lãi chậm trả (x) số ngày chậm trả/365 ngày; phí trả nợ trước hạn trong vòng 12 tháng đầu tiên: Thu 1% x số tiền trả nợ trước hạn, trả nợ trước hạn từ tháng 13 đến hết tháng 36: 0,5% x số tiền trả nợ trước hạn; Vốn vay được rút một lần hoặc nhiều lần nhưng tối đa không quá 06 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực. Thời hạn trả nợ cứ 03 tháng một lần vào ngày 15 hàng tháng, ngày trả nợ đầu tiên là 15/9/2018, ngày trả nợ gốc lần cuối cùng vào ngày 06/6/2023. Tuy nhiên, trên thực tế Ngân hàng BIDV chỉ mới giải ngân cho anh T2 03 lần với tổng số tiền là 900.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, anh T2 đã ký với Ngân hàng BIDV Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/11126542/HĐBĐ ngày 04/6/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/11126542/HĐTC ngày 04/6/2018, đã được Ủy ban nhân dân xã Quảng Kim chứng thực ngày 04/6/2018 và đăng ký thế chấp ngày 05/6/2018 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Quảng Trạch theo quy định, tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1891, tờ bản đồ số 26 tại thôn 2, xã Q2, huyện Q3, tỉnh Quảng Bình, có diện tích 250,4m² theo GCNQSDĐ số BL912600 do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 28/12/2012 mang tên bà Từ Thị K (Ngày 21/5/2018, bà K đã tặng cho quyền sử dụng đất này cho ông Trần Ngọc T2 theo hồ sơ số 1009/TA) và tài sản gắn liền với thửa đất nói trên là một ngôi nhà hai tầng, diện tích xây dựng 160m²/tầng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T2 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo cam kết mà chỉ thanh toán một phần số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng BIDV. Hiện anh T2 còn nợ Ngân hàng BIDV số tiền gốc là 800.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 18/3/2021 là 115.329.699 đồng (Trong đó, lãi trong hạn là 110.419.726 đồng, lãi quá hạn là 4.909.973 đồng). Vì vậy, Ngân hàng BIDV khởi kiện đến Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn yêu cầu buộc anh T2 phải thanh toán cho Ngân hàng BIDV toàn bộ số tiền nợ gốc nói trên và số tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp anh T2 không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng BIDV có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi toàn bộ số nợ cho ngân hàng.

Về phía bị đơn anh Trần Ngọc T2: Quá trình giải quyết vụ án, anh T2 thừa nhận quá trình vay nợ và số tiền hiện còn nợ đúng như Ngân hàng BIDV đã khởi kiện. Tuy

nhiên, do điều kiện làm ăn kinh tế hiện nay còn khó khăn nên anh chưa có điều kiện để trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, anh có nguyện vọng đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho anh trả nợ dần từng đợt cho đến khi thực tế trả hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải nhưng không đem lại kết quả, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về hướng giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 13/01/2021 và ngày 18/3/2021 nhưng anh Trần Ngọc T2 vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã không chấp hành theo sự triệu tập của Tòa án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần đến phiên tòa vào các ngày 13/01/2021 và ngày 18/3/2021 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung: Thấy rằng yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 335, 336, 342, 463, 466 Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh T2 phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng BIDV tính đến ngày xét xử sơ thẩm (18/3/2021) với tổng số tiền: 915.329.699 đồng (Trong đó số tiền nợ gốc là 800.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 110.419.726 đồng; lãi quá hạn: 4.909.973 đồng). Trong trường hợp bị đơn (anh T2) không trả được nợ thì đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng BIDV theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Anh Trần Ngọc T2 ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2018/11126542/HĐTD ngày 06/6/2018 với Ngân hàng BIDV là hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 398 Bộ luật Dân sự. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh T2 đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa thuận trong hợp đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp trên là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Mặc dù anh Trần Ngọc T2 có địa chỉ cư trú tại thôn 2, xã Q2, huyện Q3, tỉnh Quảng Bình nhưng căn cứ theo nội dung 10 của Hợp đồng tín dụng số 01/2018/11126542/HĐTD ngày 06/6/2018, hai bên thống nhất Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng Dân sự

thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Trần Ngọc T2 đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, cần căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Ngọc T2.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng BIDV vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc anh T2 có nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết giữa anh T2 và Ngân hàng BIDV, nếu anh T2 không trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng BIDV theo hợp đồng thế chấp tài sản. Căn cứ theo yêu cầu của nguyên đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hợp đồng tín dụng số 01/2018/11126542/HĐTD ngày 06/6/2018 và Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/11126542/HĐBĐ ngày 04/6/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/11126542/HĐTC ngày 04/6/2018, anh T2 đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1891, tờ bản đồ số 26 tại thôn 2, xã Quảng Kim, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, có diện tích 250,4m² theo GCNQSDĐ số BL912600 do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 28/12/2012 mang tên bà Từ Thị Kiêm (Ngày 21/5/2018, bà Kiêm đã tặng cho quyền sử dụng đất này cho ông Trần Ngọc T2 theo hồ sơ số 1009/TA) và tài sản gắn liền với thửa đất nói trên là một ngôi nhà hai tầng, diện tích xây dựng 160m²/tầng để đảm bảo cho khoản vay được ký kết giữa các bên là Ngân hàng BIDV với anh Trần Ngọc T2 về hình thức và nội dung đều tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 116, 117, 317, 319, 335, 336, 398, 401, 463, 468 Bộ luật Dân sự nên các hợp đồng này đều có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên giao kết hợp đồng. Theo đó, Ngân hàng BIDV đã giải ngân cho anh T2 vay 900.000.000 đồng. Anh T2 chỉ mới trả tiền nợ gốc được 100.000.000 đồng rồi không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết.

Tại Bản tự khai ngày 10/12/2020, anh T2 thừa nhận còn nợ BIDV số tiền gốc là 800.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh tạm tính đến hết ngày 10/12/2020 là 90.036.165 đồng và phí quá hạn là 2.885.863 đồng. Tuy nhiên, cho đến nay, anh T2 vẫn không thực hiện việc cam kết của mình và không trả thêm được khoản tiền nào cho Ngân hàng BIDV. Như vậy, anh T2 đã vi phạm nghĩa vụ đã cam kết tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên theo quy định tại các Điều 274, 280, 466 Bộ luật Dân sự. Do đó việc Ngân hàng BIDV yêu cầu Tòa án buộc anh T2 thanh toán toàn bộ số nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (18/3/2021) với số tiền 915.329.699 đồng (Trong đó nợ gốc là 800.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 110.419.726 đồng; lãi quá hạn: 4.909.973 đồng) là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Xét yêu cầu đối với tài sản thế chấp: Theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2018/11126542/HĐBĐ ngày 04/6/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2018/11126542/HĐTC ngày 04/6/2018, anh T2 đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1891, tờ bản đồ số 26 tại thôn 2, xã Q2, huyện Q3, tỉnh Quảng Bình, có diện tích 250,4m² theo GCNQSDĐ số BL912600 do UBND huyện Quảng

Trạch cấp ngày 28/12/2012 mang tên bà Từ Thị K (Ngày 21/5/2018, bà K đã tặng cho quyền sử dụng đất này cho ông Trần Ngọc T2 theo hồ sơ số 1009/TA) và tài sản gắn liền với thửa đất nói trên là một ngôi nhà hai tầng, diện tích xây dựng 160m²/tầng để đảm bảo cho khoản vay. Đối với tài sản gắn liền trên thửa đất nói trên, qua thẩm định thực tế, Hội đồng thẩm định xét thấy tài sản gắn liền với thửa đất nói trên là một ngôi nhà 03 tầng, tầng 1 và tầng 2 mỗi tầng có diện tích là 160m², tầng 3 có diện tích là 10,25m²; sàn đổ tầng 3 có diện tích là 68,64m² (Phần diện tích tầng 3: Theo Ngân hàng là phát sinh sau khi có hợp đồng và là tài sản gắn liền với tài sản thế chấp). Nên Ngân hàng BIDV yêu cầu Tòa án tuyên quyền xử lý tài sản thế chấp và tài sản phát sinh sau khi ký kết hợp đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 299 Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận. Trường hợp anh T2 không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng BIDV được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nói trên để thu hồi toàn bộ số nợ cho Ngân hàng BIDV.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng BIDV được chấp nhận nên anh Trần Ngọc T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Ngân hàng BIDV theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, điểm g khoản 1 Điều 40, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 116, 117, 299, 317, 319, 335, 336, 398, 401, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với bị đơn là anh Trần Ngọc T2.

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ buộc anh Trần Ngọc T2 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (18/3/2021) là 915.329.699 đồng (*Chín trăm mười lăm triệu ba trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng*). Trong đó nợ gốc là 800.000.000 đồng (*Tám trăm triệu đồng*), nợ lãi trong hạn: 110.419.726 đồng (*Một trăm mười triệu bốn trăm mười chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu đồng*); lãi quá hạn: 4.909.973 đồng (*Bốn triệu chín trăm linh chín nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (18/3/2021), hàng tháng bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp anh Trần Ngọc T2 không trả được toàn bộ số nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1891, tờ bản đồ số 26 tại thôn 2, xã Q2, huyện Q3, tỉnh Quảng Bình, có diện tích 250,4m² theo

GCNQSDĐ số BL912600 do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 28/12/2012 mang tên bà Từ Thị K (Ngày 21/5/2018, bà Ki đã tặng cho quyền sử dụng đất này cho ông Trần Ngọc T2 theo hồ sơ số 1009/TA) và tài sản gắn liền với thửa đất nói trên theo thực tế là một ngôi nhà ba tầng, tầng 1 và tầng 2 mỗi tầng có diện tích là 160m², tầng 3 có diện tích là 10,25m²; sàn đỗ tầng 3 có diện tích là 68,64m² để thu hồi toàn bộ số nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

3. Về án phí:

- Buộc anh Trần Ngọc T2 phải nộp 39.459.890 đồng (*Ba mươi chín triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn tám trăm chín mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí 18.769.964 đồng (*Mười tám triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm sáu mươi tư đồng*) mà Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007018 ngày 12/10/2020.

“ Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. ”

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Đối với người có mặt) và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án (Đối với người vắng mặt).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dương